TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 441/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 453/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2026 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Bùi Thị Mai D, sinh năm 1986

Số định danh cá nhân: 022186001378

Nơi thường trú: tổ E, khu C (nay là khu H), phường H, thành phố Quảng Ninh

Nơi tạm trú: căn 1408 tòa CT1, chung cư G, tổ C, khu C (nay là khu B), phường B, thành phố Quảng Ninh

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982

Số định danh cá nhân: 022082001122

Nơi thường trú: tổ E, khu C (nay là khu H), phường H, thành phố Quảng Ninh

Nơi ở hiện tại: căn 1408 tòa CT1, chung cư G, tổ C, khu C (nay là khu B), phường B, thành phố Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 18/3/2013 tại Ủy

ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị D và anh H đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Phượng Hoàng N, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Hoàng Ánh D1, sinh ngày 27/9/2015. Chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H thỏa thuận:

Chị Bùi Thị Mai D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 (hai) con chung Nguyễn Phượng Hoàng N và Nguyễn Hoàng Ánh D1 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H thỏa thuận chị Bùi Thị Mai D chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao 02 (hai) con chung Nguyễn Phượng Hoàng N, sinh ngày 30/4/2013 và Nguyễn Hoàng Ánh D1, sinh ngày 27/9/2015 cho chị Bùi Thị Mai D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con

chung.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Bùi Thị Mai D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy chị Bùi Thị Mai D không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì anh Nguyễn Ngọc H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Bùi Thị Mai D và anh Nguyễn Ngọc H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Bùi Thị Mai D tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000684 ngày 16/9/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ninh. Chị Bùi Thị Mai D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS thành phố Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;
nay là UBND phường H, thành phố Quảng Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh